

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 23/03/2022  
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phùng Văn Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:* Nguyễn Văn Thịnh và Vũ Minh Đoan.

**- Ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa:**  
Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 23 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; HKTT: Thôn P, xã P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Chị Cao Thị Minh P sinh năm 1998; HKTT và cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

Anh T có mặt; chị P có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh kết hôn với chị Cao Thị Minh P năm 2020 là hôn nhân tự nguyện tiến bộ và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống với gia đình anh ngay. Quá trình chung sống được 4 – 5 tháng vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng lại bị hiểm muộn đã chạy chữa nhiều nơi nhưng không có kết quả... từ đó hai bên không có tiếng nói chung, tình cảm dần trở nên xa cách. Tháng 4/2021, chị P tự ý bỏ về nhà để sống ly thân với anh từ đó đến nay, khi anh có đơn xin ly hôn, phía chị P một mặt kiên quyết không chịu đoàn tụ hàn gắn tình cảm, mặt khác lại không đồng ý ly hôn nhằm gây khó dễ cho anh trong việc kiếm tìm hạnh phúc khác.

Do tình cảm không còn vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân chỉ còn là hình thức nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị P.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, bản thân chị P đến nay cũng không có hiện tượng thai nghén gì nên không yêu cầu Tòa xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Cao Thị Minh P trình bày như sau:*

Chị P xác nhận điều kiện kết hôn, thời gian chung sống đúng như phía anh T đã trình bày. Quá trình chung sống được 09 tháng thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô sát... nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng khi cả hai đi khám và bệnh viện kết luận khó có con, phía anh T không những không thông cảm, chia sẻ mà ngược lại còn ghe lạnh, nhả tin bảo chị về nhà mẹ đẻ. Hai bên gia đình đã gặp gỡ nói chuyện, bản thân chị cũng đã về nhà mẹ đẻ và sống ly thân với anh T từ tháng 4/2021 cho đến nay. Mặc dù xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng tình cảm không còn, cũng không muốn quay về đoàn tụ...nhưng do phía anh T và gia đình xử sự một cách càn tỉnh, nếu thuận tình thì sẽ quá dễ dàng và thuận lợi cho anh Thanh trong việc ly hôn, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết theo trình tự đơn phương, phần nào gây khó dễ cho anh T trong quá trình giải quyết tại Tòa.

Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, cũng không nợ nần ai nên chị không yêu cầu Tòa xét.

*UBND xã P nơi cư trú của các đương sự có quan điểm:*

Mâu thuẫn giữa chị P và anh T đã trầm trọng, nguyên nhân phần do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp... phần do áp lực hiếm muộn khiến vợ chồng thường xuyên va chạm, xô sát. Hai bên đã ly thân từ tháng 4/2021 và đều không muốn quay về đoàn tụ. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, việc chị P không đồng ý ly hôn anh T không phải để níu kéo tình cảm mà thực chất là nhằm mục đích gây khó khăn cho anh T trong việc giải quyết ly hôn.... Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T ly hôn chị P để giải phóng cho cả hai bên;

Vợ chồng chưa có con chung; các vấn đề về tài sản chung, công nợ chung UBND xã không nắm rõ nhưng đến nay chưa thấy có tranh chấp gì về tài sản, công nợ liên quan đến vợ chồng T, P.

*Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:*

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; cả nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh T được ly hôn chị P; Các vấn đề về tài sản chung và công nợ chung do các bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do Nguyên đơn và Bị đơn đều có nơi cư trú tại huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Anh Nguyễn Văn T kết hôn với chị Cao Thị Minh P là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/10/2020 tại UBND xã P, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, ngay từ những ngày đầu vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân phần do bất đồng quan điểm, phần do hiếm muộn khó có con.. anh T lại tỏ thái độ ghẻ lạnh, không quan tâm đến tâm trạng của vợ khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát, chị P đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 4/2021 và kiên quyết không quay về với anh T.

Do tình cảm không còn, phía anh T có đơn xin ly hôn; Phía chị P cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng thường xuyên xô xát, không có hạnh phúc, vợ chồng đã tự sống ly thân, bản thân chị cũng không muốn quay về đoàn tụ... và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đơn phương theo đơn của anh T; Tại phiên tòa hôm nay, phía anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn của mình.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài do cả hai phía đều có chung nhận thức tình cảm vợ chồng không còn, cùng không mong muốn đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được... Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên đều xác định không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh T phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các bên có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

1. Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Cao Thị Minh P

2. Về con chung: Chưa có nên không xét

3. Về tài sản chung: Các bên không đề nghị Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2020/0047725 ngày 24/01/2022.2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ;

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDTP Hà Nội
- VKSND huyện Phú Xuyên
- Chi cục THA huyện Phú Xuyên
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

( Đã ký )

**Phùng Văn Phong**